

Bản án số: 71/2022/DS-ST

Ngày 16 – 5 – 2022

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiền

Bà Phạm Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ph; Sinh năm 1967; Cư trú tại: Ấp Th V, xã T Tr, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau; (có mặt)

- Bị đơn: Bà Phan Thị Mỹ Tr (Phan Mỹ Tr) và ông Nguyễn Văn C; Cùng cư trú tại: Ấp M Đ A, xã T A Kh, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Ph trình bày:*

Bà Ph có tham gia hai chung hui do ông C, bà Tr làm chủ hui cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất loại hui 300.000 đồng, mở ngày 06/12/2016a1, mỗi tháng khai một lần, có 34 chung, bà Ph tham gia 02 chung, đóng được 29 lần thì ông C và bà Tr tuyên bố đình hui ngày 10/4/2019a1, dây hui này ông C và bà Tr nợ lại bà Ph 12.500.000 đồng. Nếu không đình hui thì hiện tại dây hui này đã mãn, bà không theo dõi số tiền hui góp vô, nhưng bà xác định số tiền hàng tháng bỏ hui trung bình là 40.000 đồng/lần khai hui, vậy trung bình hàng tháng bà góp vào là 260.000 đồng.

- Dây thứ hai loại hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 10/5/2017a1, mỗi tháng khui một lần, có 45 chung, bà Ph tham gia 02 chung, đóng được 24 lần thì ông C và bà Tr tuyên bố đình hụi ngày 10/4/2019a1, dây hụi này ông C và bà Tr nợ lại bà Ph 34.000.000 đồng. Nếu không đình hụi thì hiện tại dây hụi này đã mãn, bà không theo dõi số tiền hụi góp vô, nhưng bà xác định số tiền hàng tháng bỏ hụi trung bình là 100.000 đồng/lần khui hụi, vậy trung bình hàng tháng bà góp vào là 900.000 đồng.

- Dây thứ ba loại hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 18/8/2017a1, mỗi tháng khui một lần, có 36 chung, bà Ph tham gia 02 chung, đóng được 20 lần số tiền 40.000.000 đồng thì ông C và bà Tr tuyên bố đình hụi ngày 10/4/2019a1, dây hụi này ông C và bà Tr nợ lại bà Ph 40.000.000 đồng. Nếu không đình hụi thì hiện tại dây hụi này đã mãn, bà không theo dõi số tiền hụi góp vô, nhưng bà xác định số tiền hàng tháng bỏ hụi trung bình là 100.000 đồng/lần khui hụi, vậy trung bình hàng tháng bà góp vào là 900.000 đồng.

Tổng số tiền hụi ông C và bà Tr nợ bà Ph là 86.500.000 đồng, năm 2019 ông C và bà Tr có trả cho bà Ph 33.000.000 đồng, còn nợ 53.500.000 đồng đến nay không trả.

Tại biên nhận ngày 18/02/2022, bà Tr có tính chốt lại tổng số tiền hụi nợ bà Ph là 84.700.000 đồng, chênh lệch so với đơn khởi kiện của bà là 86.500.000 đồng. Bà Ph xác định khi chốt hụi giữa các bên có trừ tiền hoa hồng cho chủ đầu thảo, còn khi bà kiện bà không trừ hoa hồng nên có sự chênh lệch. Nay bà đồng ý trừ hoa hồng như các bên đã chốt nợ là 84.700.000 đồng, bà Tr và ông C trả cho bà nhiều lần số tiền 33.000.000 đồng, còn nợ lại là 51.700.000 đồng

Nay bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C, bà Phan Thị Mỹ Tr trả số tiền hụi 51.700.000 đồng. Trong 51.700.000 đồng này thì vốn góp vào khoảng 40.000.000 đồng, lãi hụi là 11.700.000 đồng. Trường hợp pháp luật tính lại lãi hụi theo quy định bà cũng đồng ý, yêu cầu tính lãi của số tiền vốn góp vào là 40.000.000 đồng từ ngày đình hụi 10/4/2019 đến ngày xét xử. Nếu như tiền lãi theo quy định pháp luật cộng với số tiền vốn góp vào nhiều hơn số tiền 51.700.000 đồng, bà cũng chỉ yêu cầu số tiền 51.700.000 đồng.

*\* Đối với ông Nguyễn Văn C, bà Phan Mỹ Tr:*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông C, bà Tr biết về yêu cầu khởi kiện của bà Ph nhưng ông C, bà Tr không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông Nguyễn Văn C và bà Phan Mỹ Tr đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Bà Ph khởi kiện yêu cầu ông C, bà Tr trả lại số tiền hội đã góp. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Giữa bà Ph với ông C và bà Tr có giao dịch hội với nhau, tại danh sách hội thể hiện ông C và bà Tr làm chủ hội và hưởng hoa hồng, bà Ph là hội viên tham gia các chung hội mở các ngày 06/02/2016, 10/5/2017, 18/8/2017 âm lịch, đến ngày 10/4/2019 âm lịch ông C và bà Tr tuyên bố đình hội và có chốt nợ các chung hội trên bằng biên nhận ngày 18/02/2022, vì vậy giao dịch hội của các đương sự là thực tế có xảy ra. Tuy nhiên, sau khi đình hội thì bà Tr và ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lại số tiền hội mà bà Ph đã góp vào. Hiện tại các chung hội nêu trên nếu không đình hội thì đều đã mãn. Đối với số tiền bà Ph yêu cầu trả 51.700.000 đồng, trong đó vốn góp vào khoảng 40.000.000 đồng, lãi hội khoảng 11.700.000 đồng. Tính từ khi ông C, bà Tr đình hội 10/4/2019 âm lịch đến khi xét xử thì số tiền lãi hội bà Ph yêu cầu không vượt quá 20% năm theo quy định pháp luật. Mặt khác, quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C, bà Tr biết nhưng vẫn không có ý kiến phản đối hay yêu cầu gì. Từ các phân tích trên, yêu cầu của bà Ph là có cơ sở cần được chấp nhận, buộc ông C và bà Tr phải có trách nhiệm trả lại cho bà Ph số tiền hội 51.700.000 đồng.

Ngoài ra, bà Ph không yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông C, bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.585.000 đồng (51.700.000 đồng x 5%) tương ứng số tiền phải trả cho nguyên đơn;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Phan Mỹ Tr cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền hội là 51.700.000 đồng (năm mươi một triệu bảy trăm nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

## 2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Ph số tiền 1.338.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0012200 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D.

2.2. Ông Nguyễn Văn C và bà Phan Mỹ Tr phải chịu 2.585.000 đồng (hai triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng), (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Trúc**

